**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Năng lực** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  | |
|  |  |  | **TN**  **KQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  | |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản nghị luận | 3 | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | 0 |  | 60 | |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 | |
| **Tổng** | | | **15** | **5** | **25** | **15** | **0** | **30** | **0** | **10** | | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | | |  |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ**  **nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | **Văn bản nghị luận** | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại, vấn đề nghị luận, các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống.  **Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa của từ ngữ, tác dụng/ chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Liên hệ cuộc sống, rút ra những bài học (việc làm, hành động) của bản thân từ nội dung văn bản.  - Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | **Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống** | Viết được bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về một câu tục ngữ bàn về một vấn đề trong đời sống.  **Nhận biết:** Xác định đúng kiểu bài  **Thông hiểu:** Hiểu đúng bố cục của kiểu bài nghị luận và nội dung nghị luận.  **Vận dụng:** Triển khai vấn đề nghị luận  **Vận dụng cao:** Có cách diễn đạt, trình bày lí lẽ, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, sáng tạo về vấn đề nghị luận. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng** | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60** | | **40** | |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**  **Môn: Ngữ văn 7**  Thời gian làm bài: 90 phút  *(Không kể thời gian giao đề)* |

**PHẦN I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc văn bản sau rồi thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*“Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ đang sống vô cảm, không quan tâm tới những chuyện diễn ra xung quanh mình. Họ không hề mảy may trước những cảnh tượng bất bình, đau khổ, cũng như không biết chiêm ngưỡng, tán thưởng những điều mang lại cho mình những cảm xúc tích cực.*

*(…) Gia đình, nhà trường và xã hội có một vai trò hết sức quan trọng. Gia đình chính là môi trường đầu đời hình thành nên những cảm xúc yêu thương, lòng nhân ái, giáo dục và trang bị cho trẻ những chuẩn mực đạo đức, giúp họ học cách lắng nghe, thấu hiểu và chia sẻ. Khi người lớn sống có trách nhiệm, quan tâm tới nhau, có những hành vi ứng xử đẹp, mang tính nhân văn thì đó sẽ là tấm gương để giới trẻ noi theo. Cùng với gia đình, nhà trường nên trang bị cho thanh thiếu niên những kĩ năng sống thiết thực, biết giúp đỡ mọi người, biết khơi dậy ở họ lòng nhân ái và tinh thần đấu tranh trước cái xấu, cái ác. Xã hội phải đề cao và tôn vinh những tấm gương sống cao đẹp, sống có trách nhiệm và nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng; tôn vinh và phát huy những giá trị truyền thống và đạo lý của dân tộc:“lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”.*

(Theo *http:/tuyengiao.bacgiang.gov.vn/*, ngày 27/06/2018)

**Lựa chọn đáp án đúng từ câu từ 1 đến câu 8:**

**Câu 1. Đoạn trích trên mang đặc trưng của kiểu văn bản nào?( Nhận biết)**

A. Văn bản thông tin B. Văn bản nghị luận

C. Văn bản tự sự D. Văn bản thuyết minh

**Câu 2. Mở đầu đoạn trích người viết nêu lên thực trạng gì?( Nhận biết)**

A. Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ đang sống vô cảm.

B. Hiện nay các bạn trẻ rất thông minh, năng động.

C. Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ sẵn sàng xả thân vì cộng đồng.

D. Hiện nay có rất nhiều bạn trẻ có hành vi ứng xử đẹp.

**Câu 3: Em hiểu như thế nào về nghĩa của từ “vô cảm”?( Thông hiểu)**

A. Vô cảm là lạnh nhạt, không để ý tới.

B. Vô cảm là không có cảm xúc, không có tình cảm (trước những tình huống đáng ra phải có).

C. Vô cảm là rung động mạnh mẽ trong lòng và trong thời gian tương đối ngắn.

D. Vô cảm là phản ứng tâm lí theo hướng tích cực với sự kích thích của hiện thực khách quan.

**Câu 4. Để đẩy lùi lối sống vô cảm trong các bạn trẻ, theo em đó là trách nhiệm của ai?( Nhận biết)**

A. Trách nhiệm của gia đình , xã hội

B. Trách nhiệm của nhà trường, xã hội

C. Trách nhiệm của nhà trường

D. Trách nhiệm của gia đình, nhà trường, xã hội

**Câu 5: Theo em, khi người lớn sống có trách nhiệm, quan tâm tới nhau, có những hành vi ứng xử đẹp, mang tính nhân văn sẽ tác động như thế nào đến giới trẻ?**

**( Thông hiểu)**

A. Làm tấm gương cho giới trẻ noi theo. B. Làm cho giới trẻ ngưỡng mộ.

C. Làm cho giới trẻ có lối sống đẹp. D. Làm cho giới trẻ sống có trách nhiệm.

**Câu 6. Theo em, khi lối sống vô cảm trong xã hội, trong giới trẻ được đẩy lùi, xã hội sẽ như thế nào?( Thông hiểu)**

A. Xã hội sẽ phát triển vững mạnh. B. Xã hội phát triển hòa bình, hữu nghị.

C. Xã hội phát triển hài hòa, nhân văn. D. Môi trường lành mạnh, trong sáng.

**Câu 7. Nội dung chính mà đoạn trích muốn thể hiện là gì?( Thông hiểu)**

A. Thực trạng vể hiện tượng vô cảm ở giới trẻ hiện nay.

B. Thực trạng về thói vô cảm ở giới trẻ.

C. Thực trạng về thói vô cảm ở giới trẻ và đưa ra giải pháp để thay đổi thực trạng.

D. Thực trạng về vấn đề vô cảm và đưa ra giải pháp để thay đổi thực trạng.

**Câu 8. Tác dụng của việc sử dụng các phép liên kết trong đoạn trích trên là:**

**( Thông hiểu)**

A. Tạo tính mạch lạc trong các câu văn trong đoạn văn.

B. Tạo liên kết về mặt chủ đề của đoạn văn.

C. Tạo sự liên kết về hình thức cho đoạn văn.

D. Tạo sự mạch lạc hoàn chỉnh về nội dung và hình thức cho đoạn văn.

**Câu 9.** Từ bài viết em thấy rằng xã hội cần phải đề cao, trân trọng những con người như thế nào? (Vận dụng)

**Câu 10.** Theo em học sinh cần có trách nhiệm như thế nào để đầy lùi lối sống vô cảm trong giới trẻ (nêu ít nhất hai biện pháp/ việc làm). (Vận dụng)

**II. LÀM VĂN (4,0 điểm)** (Vận dụng cao)

Viết bài văn nghị luận ( khoảng 400 chữ) trình bày suy nghĩ của em về một câu tục ngữ bàn về một vấn đề trong đời sống.

**------------- Hết ------------**

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** | **ĐỌC HIỂU** | | **6,0** |
| 1 | B | 0,5 |
| 2 | B | 0,5 |
| 3 | A | 0,5 |
| 4 | D | 0,5 |
| 5 | A | 0,5 |
| 6 | C | 0,5 |
| 7 | C | 0,5 |
| 8 | D | 0,5 |
| 9 | Xã hội phải đề cao và tôn vinh những tấm gương sống cao đẹp, sống có trách nhiệm và nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng. | 1,0 |
| 10 | - Trách nhiệm của học sinh:  + Chăm chỉ học tập, sống có nghĩa tình, sẵn sàng xả thân vì cộng đồng  + Trân trọng, phát huy các giá trị truyền thống và đạo lí tốt đẹp của dân tộc  + Yêu thương, chia sẻ với mọi người… | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
| *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn:* viết đúng thể loại văn nghị luận, bài viết có đầy đủ bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) | 0,25 |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*: | 0,25 |
| *c. Yêu cầu về nội dung:* HS có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:  1. Giới thiệu được vấn đề cần bàn luận  2. Triển khai các vấn đề nghị luận  a. Giải thích  b. Bàn luận  - Khẳng định ý kiến người viết về vấn đề bàn luận  - Trình bày lí lẽ, Bằng chứng  c. Lật lại vấn đề  3. Khẳng định lại ý kiến, nêu bài học nhận thức và phương hướng hành động. | 0,5  0,5  0,5  0,5  0,5  0,5 |
| *d. Chính tả, ngữ pháp:* Chữ viết cẩn thận, rõ ràng, bài văn trình bày sạch sẽ, không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. | 0,25 |
| *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,25 |